

Số: 109/2023/QĐST – HNGĐ

A, ngày 23 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2023/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 giữa:

* Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị B** – Sinh năm: 1983

Trú tại: Thôn 1, xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An

* Bị đơn: **Anh Trần Thanh P** – Sinh năm: 1980

Trú tại: Thôn 1, xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- **Bà Đặng Thị H** – Sinh năm: 1945 – Trú tại: Thôn 1, xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An.

- **Anh Trần Trung S** – Sinh năm: 1973 - Trú tại: Thôn 1, xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An.

- **Anh Trần Thanh H** – Sinh năm: 1975 - Trú tại: Bản M, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An.

- **Anh Trần Thanh T** – Sinh năm: 1985 – Trú tại: Xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- **Anh Đặng Bá M** – Sinh năm: 1976 - Trú tại: Thôn 6, xã P, huyện A, tỉnh Nghệ An.

- **Chị Phan Thị B** – Sinh năm: 1984 – Trú tại: Tổ dân phố 4, thị trấn A, Nghệ An

- **Chị Nguyễn Thị B** – Sinh năm: 1992 – Trú tại: Xóm 1 xã L, A, Nghệ An.

- **Anh Nguyễn Đình B** – Sinh năm: 1963 – Trú tại: Thôn 8, xã V, huyện A, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 59, 81 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ B bản thỏa thuận phân chia tài sản chung và trả nợ ngày 12/8/2023;

Căn cứ B bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15/8/2023;

Căn cứ B bản giao nhận B bản hòa giải thành cho các đương sự ngày 15/8/2023;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong B bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15/8/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập B bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị B và anh Trần Thanh P.

II/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Trần Thanh P thoả thuận ly hôn.

2. Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:

Giao con Trần Thanh T - Sinh ngày 4/7/2006 và Trần Cẩm T - Sinh ngày 25/2/2022 cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Thanh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.000.000 đồng/01 tháng (02 con là 2.000.000 đồng/01 tháng), thi hành kể từ ngày 23/8/2023 đến khi các con đủ 18 tuổi (trưởng thành) hoặc khi có Quyết định khác thay thế.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung:

3.1. Chia cho chị Nguyễn Thị B sở hữu các tài sản sau:

- 982,8 m² đất vườn ở (Trong đó: 300 m² đất ở, 682,8 m² đất trồng cây lâu năm), có vị trí: Cạnh phía bắc giáp 357,2 m² đất vườn ở chia cho anh Trần Thanh P (Phần đất kí hiệu ONT P2/357,2), cạnh phía nam giáp thửa đất ONT số 48, cạnh phía đông giáp thửa đất RSX số 16, cạnh phía tây giáp đường giao thông thuộc thửa đất vườn ở số 41, tờ bản đồ số 42, tại thôn 1 xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 367592 ngày 21/4/2022 (Phần đất kí hiệu: ONT P2/982,8 được giới hạn bởi các điểm 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 5) và sở hữu toàn bộ công trình và các loại cây cối gắn liền trên 982,8 m² đất gồm: 02 ngôi nhà, các công trình liền kề nhà và các công trình khác (Có sơ đồ kèm theo Quyết định).

- Các tài sản khác gồm: 01 bộ bàn ghế gỗ; 01 bàn thờ gỗ; 01 kệ tủ ti vi gỗ; 02 chiếc giường gỗ đôi; 01 ti vi; 01 bộ loa đài; 01 cái bếp ga; 01 tủ đựng; 01 nồi cơm điện; 01 bình nóng lạnh; 01 tủ lạnh 4 cánh; 01 máy giặt; 01 điều hoà; 02

quạt trần; 03 quạt cây; 01 quạt treo tường; 01 xe máy nhãn hiệu HONDA – Biên số đăng ký: 37S1 – 9279 theo Đăng ký mô tô số 064441 ngày 30/6/2010;

3.2. Chia cho anh Trần Thanh P sở hữu các tài sản sau:

- 357,2 m² đất vườn ở (Trong đó: 100 m² đất ở, 257,2 m² đất trồng cây lâu năm), có vị trí: Cạnh phía bắc thửa đất ONT số 27, cạnh phía nam giáp giáp 982,8 m² đất vườn ở giao cho chị Nguyễn Thị B (Phần đất kí hiệu ONT P2/982,8), cạnh phía đông giáp thửa đất RSX số 16, cạnh phía tây giáp đường giao thông thuộc thửa đất vườn ở số 41, tờ bản đồ số 42, tại thôn 1 xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 367592 ngày 21/4/2022 (Phần đất kí hiệu: ONT P1/357,2 được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 12, 1) và sở hữu toàn bộ công trình và các loại cây cối gắn liền trên 357,2 m² đất gồm: Móng và bờ tường rào – (Có sơ đồ kèm theo Quyết định).

- Thửa đất số 563, tờ bản đồ số 01, tại Khe Dầu, xã L, huyện A, Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 233413 ngày 29/12/2017;

- Thửa đất số 500, tờ bản đồ số 01, tại Khe Dầu, xã L, huyện A, Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 233413 ngày 29/12/2017 và gỗ Keo trồng trên đất;

- Thửa đất số 541, tờ bản đồ số 01, tại Khe Dầu, xã L, huyện A, Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 233413 ngày 29/12/2017;

- Các tài sản khác gồm: Gỗ Keo đang trồng chung với anh Nguyễn Đình B tại thôn 8, xã V, huyện A, tỉnh Nghệ An, 01 chiếc đường gỗ đôi, 01 số gỗ các loại và dụng cụ làm vườn rừng.

Chị Nguyễn Thị B và anh Trần Thanh P có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để tiến hành các thủ tục xác lập quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

4. Về nghĩa vụ trả nợ:

4.1. Chị Nguyễn Thị B có nghĩa vụ trả các khoản nợ sau:

- Trả cho chị Nguyễn Thị B số tiền: 10.000.000 đồng;
- Trả cho chị Phan Thị B số tiền: 50.722.688 đồng.
- Trả cho anh Đặng Bá M số tiền: 45.000.000 đồng.

4.2. Anh Trần Thanh P có nghĩa vụ trả các khoản nợ sau:

- Trả cho bà Đặng Thị H số tiền: 50.000.000 đồng.
- Trả cho anh Trần Trung S số tiền: 50.000.000 đồng.
- Trả cho anh Trần Thanh H số tiền: 50.000.000 đồng.
- Trả cho anh Trần Thanh T số tiền: 50.000.000 đồng.
- Trả cho anh Đặng Bá M số tiền: 95.296.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành án chưa thực hiện xong nghĩa vụ phải thi hành án thì hàng tháng

bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành.

5. Về án phí: Áp dụng: Khoản 3 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a, điểm d khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH.

- Chị Nguyễn Thị B thỏa thuận nộp 150.000 đồng án phí ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con (Đã nộp 300.000 đồng theo B lai số 0000342 ngày 17/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Nghệ An).

- Chị Nguyễn Thị B và anh Trần Thanh P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với việc phân chia tài sản chung. Trả lại cho chị Nguyễn Thị B số tiền 6.254.000 đồng tiền tạm ứng án phí chia tài sản theo B lai số 0000343 ngày 17/3/2023 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Nghệ An.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- UBND xã L, huyện A;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Lệ Hằng